

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 ĐẾN BẠC 5
THEO KNLNN 6 BẠC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 09/11/2025

PHÒNG THI: 01

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.091125-001	Lê Việt Anh	Nam	08/10/2004	Phú Thọ
2	TN.091125-002	Nguyễn Thị Hà Anh	Nữ	02/06/2003	Thái Nguyên
3	TN.091125-003	Đỗ Tuấn Anh	Nam	07/11/2002	Bắc Ninh
4	TN.091125-004	Phạm Thị Hoàng Anh	Nữ	22/09/2002	Hà Nam
5	TN.091125-005	Lăng Nguyễn Hùng Anh	Nam	25/08/2002	Cao Bằng
6	TN.091125-006	Trương Việt Anh	Nam	03/08/2002	Thái Nguyên
7	TN.091125-007	Nguyễn Văn Anh	Nữ	24/02/2001	Lạng Sơn
8	TN.091125-008	Vũ Thị Lan Anh	Nữ	27/09/2002	Ninh Bình
9	TN.091125-009	Phạm Thị Lan Anh	Nữ	15/07/1999	Thái Nguyên
10	TN.091125-010	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	16/04/2002	Hà Nội
11	TN.091125-011	Lê Thị Ngọc Ánh	Nữ	24/08/2004	Hà Tây
12	TN.091125-012	Trịnh Thị Vân Anh	Nữ	31/08/2003	Thanh Hóa
13	TN.091125-013	Sùng Thị Bàu	Nữ	08/10/2004	Lào Cai
14	TN.091125-014	Đỗ Văn Bính	Nam	15/05/1996	Thái Nguyên
15	TN.091125-015	Cà Văn Cường	Nam	16/04/2004	Sơn La
16	TN.091125-016	Hoàng Mai Châm	Nữ	30/03/2006	Thái Nguyên
17	TN.091125-017	Lâm Thuỷ Chi	Nữ	12/04/2001	Lạng Sơn
18	TN.091125-018	Nguyễn Thị Chi	Nữ	26/09/2001	Thái Nguyên
19	TN.091125-019	Nông Linh Chi	Nữ	24/04/2002	Hà Nội
20	TN.091125-020	Chu Thị Chiêu	Nữ	30/04/2004	Tuyên Quang
21	TN.091125-021	Lưu Thị Nam Dung	Nữ	15/11/2002	Hưng Yên
22	TN.091125-022	Nguyễn Thị Dung	Nữ	12/12/2001	Nghệ An
23	TN.091125-023	Phạm Chí Dũng	Nam	24/10/2002	Bắc Giang
24	TN.091125-024	Hà Minh Dũng	Nam	16/11/2002	Thái Nguyên
25	TN.091125-025	Lương Ngọc Duy	Nam	10/06/1993	Thái Bình
26	TN.091125-026	Nguyễn Văn Dự	Nam	04/02/2002	Hà Tĩnh
27	TN.091125-027	Nguyễn Thị Thuỷ Dương	Nữ	05/05/2002	Bắc Ninh
28	TN.091125-028	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	07/11/2004	Hà Nội
29	TN.091125-029	Hà Văn Đông	Nam	04/10/1982	Thái Nguyên
30	TN.091125-030	Trịnh Xuân Đức	Nam	27/10/1999	Thái Nguyên
31	TN.091125-031	Đàm Trung Đức	Nam	15/06/2002	Hà Nội
32	TN.091125-032	Trương Hoàng Giang	Nam	28/02/2001	Thái Nguyên
33	TN.091125-033	Nguyễn Trường Giang	Nam	23/08/2002	Hưng Yên
34	TN.091125-034	Quảng Ngọc Hà	Nam	20/09/2004	Điện Biên
35	TN.091125-035	Nguyễn Việt Hà	Nữ	03/02/2003	Phú Thọ
36	TN.091125-036	Nguyễn Thị Hà	Nữ	09/10/2002	Hà Nội

Ấn định danh sách có 36 thí sinh.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5
THEO KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 09/11/2025

PHÒNG THI: 02

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.091125-037	Hoàng Thị Hạnh	Nữ	08/09/2001	Tuyên Quang
2	TN.091125-038	Kim Mỹ Hạnh	Nữ	30/09/1998	Ninh Bình
3	TN.091125-039	Nguyễn Thị Phương Hào	Nữ	26/10/1995	Thái Nguyên
4	TN.091125-040	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	Nữ	06/11/2003	Bắc Ninh
5	TN.091125-041	Dương Thị Hiếu	Nữ	29/02/2004	Thái Nguyên
6	TN.091125-042	Phùng Thị Diệu Hoa	Nữ	21/02/2002	Thái Nguyên
7	TN.091125-043	Lò Văn Hòa	Nam	23/11/2004	Sơn La
8	TN.091125-044	Dương Thu Hoài	Nữ	28/10/2002	Thái Nguyên
9	TN.091125-045	Hoàng Minh Huệ	Nữ	27/04/2002	Phú Thọ
10	TN.091125-046	Phạm Quang Hùng	Nam	12/05/2002	Bắc Ninh
11	TN.091125-047	Lê Quang Huy	Nam	15/11/2002	Tuyên Quang
12	TN.091125-048	Lưu Khánh Huyền	Nữ	08/11/2004	Cao Bằng
13	TN.091125-049	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	10/01/2002	Tuyên Quang
14	TN.091125-050	Nguyễn Phương Huyền	Nữ	29/12/1998	Hà Nội
15	TN.091125-051	Phạm Thị Diệu Huyền	Nữ	17/12/2003	Thái Bình
16	TN.091125-052	Trịnh Xuân Hương	Nữ	17/12/2004	Thái Nguyên
17	TN.091125-053	Ma Thị Thu Hương	Nữ	04/05/2003	Thái Nguyên
18	TN.091125-054	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	25/09/2002	Thái Nguyên
19	TN.091125-055	Trịnh Thu Hường	Nữ	26/09/2006	Thái Nguyên
20	TN.091125-056	Ngô Thị Mỹ Hường	Nữ	30/11/1999	Thái Nguyên
21	TN.091125-057	Mạc Thị Hường	Nữ	06/10/2002	Hải Dương
22	TN.091125-058	Vũ Thị Thu Hường	Nữ	29/03/2002	Bắc Ninh
23	TN.091125-059	Nguyễn Thị Hường	Nữ	25/03/2001	Hà Nội
24	TN.091125-060	Vũ Thị Bảo Khanh	Nữ	20/01/2004	Hưng Yên
25	TN.091125-061	Hứa Thu Lan	Nữ	16/11/2003	Lạng Sơn
26	TN.091125-062	Nguyễn Phan Hoàng Lan	Nữ	02/09/2002	Quảng Nam
27	TN.091125-063	Nguyễn Đỗ Ái Linh	Nữ	21/09/2004	Thái Nguyên
28	TN.091125-064	Nguyễn Quốc Linh	Nam	25/09/2001	Hà Tĩnh
29	TN.091125-065	Vũ Ngọc Khánh Linh	Nữ	25/09/2003	Thái Nguyên
30	TN.091125-066	Lê Diệu Linh	Nữ	25/10/2003	Bắc Ninh
31	TN.091125-067	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	11/05/2002	Lào Cai
32	TN.091125-068	Lê Thị Ngọc Linh	Nữ	24/02/2002	Ninh Bình
33	TN.091125-069	Trần Nhật Linh	Nữ	31/08/2002	Bắc Ninh
34	TN.091125-070	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	18/02/2003	Bắc Ninh
35	TN.091125-071	Phạm Thùy Linh	Nữ	24/10/2003	Thái Nguyên
36	TN.091125-072	Dương Thị Linh	Nữ	27/07/2001	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có 36 thí sinh.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5
THEO KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 09/11/2025

PHÒNG THI: 03

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.091125-073	Nguyễn Ngọc Mai	Nữ	22/05/2002	Thái Nguyên
2	TN.091125-074	Cao Văn Minh	Nam	06/07/2002	Thái Nguyên
3	TN.091125-075	Nguyễn Hoàng Minh	Nam	22/05/2002	Thái Nguyên
4	TN.091125-076	Tổng Quang Minh	Nam	28/07/2002	Vĩnh Phúc
5	TN.091125-077	Tạ Hoài Nam	Nam	02/06/2002	Lào Cai
6	TN.091125-078	Nông Thị Kim Ngân	Nữ	16/03/2004	Cao Bằng
7	TN.091125-079	Lê Kim Ngân	Nữ	08/06/2004	Thái Nguyên
8	TN.091125-080	Lường Bảo Ngân	Nữ	18/08/2006	Điện Biên
9	TN.091125-081	Vũ Bích Ngọc	Nữ	24/11/2004	Hung Yên
10	TN.091125-082	Nông Như Ngọc	Nữ	18/12/2002	Lạng Sơn
11	TN.091125-083	Lê Đức Ngọc	Nam	14/02/2002	Hà Nội
12	TN.091125-084	Trần Thị Nhân	Nữ	21/04/2003	Bắc Ninh
13	TN.091125-085	Ngô Thị Thục Nhi	Nữ	10/04/2002	Bắc Ninh
14	TN.091125-086	Lâm Hồng Nhung	Nữ	12/04/2004	Tuyên Quang
15	TN.091125-087	Ngô Hồng Nhung	Nữ	24/08/2004	Tuyên Quang
16	TN.091125-088	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	26/06/2002	Thái Nguyên
17	TN.091125-089	Vũ Thị Minh Như	Nữ	05/10/2003	Hung Yên
18	TN.091125-090	Lương Kim Oanh	Nữ	13/10/2004	Phú thọ
19	TN.091125-091	Sân Thị Oanh	Nữ	04/12/2002	Lào Cai
20	TN.091125-092	Tạ Tâm Phúc	Nam	13/01/2002	Lâm Đồng
21	TN.091125-093	Trần Phạm Mai Phương	Nữ	20/09/2004	Sơn La
22	TN.091125-094	Võ Mai Phương	Nữ	19/08/2003	Nghệ An
23	TN.091125-095	Cà Ngọc Quang	Nam	07/09/2002	Sơn La
24	TN.091125-096	Nguyễn Minh Quân	Nam	31/07/2002	Lạng Sơn
25	TN.091125-097	Đặng Xuân Quân	Nam	24/04/2005	Phú Thọ
26	TN.091125-098	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	02/05/2003	Thái Nguyên
27	TN.091125-099	Nguyễn Hương Quỳnh	Nữ	05/02/2002	Thái Nguyên
28	TN.091125-100	Lê Thị Tình	Nữ	21/10/2002	Thái Bình
29	TN.091125-101	Nguyễn Ngọc Tú	Nữ	25/03/2000	Thái Nguyên
30	TN.091125-102	Trịnh Thị Tú	Nữ	06/10/2002	Hà Nội
31	TN.091125-103	Lê Thị Hương Tú	Nữ	11/10/2002	Bắc Ninh
32	TN.091125-104	Lê Anh Tuấn	Nam	20/07/2002	Thái Nguyên
33	TN.091125-105	Bùi Đình Tuấn	Nam	12/10/1995	Thái Bình
34	TN.091125-106	Đinh Anh Tuấn	Nam	27/06/2004	Sơn La
35	TN.091125-107	Châu Thanh Tùng	Nam	14/01/2000	Tuyên Quang

Ấn định danh sách có 35 thí sinh.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 ĐẾN BẠC 5
THEO KNLNN 6 BẠC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 09/11/2025

PHÒNG THI: 04

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.091125-108	Dương Thu Thanh	Nữ	12/07/2003	Thái Nguyên
2	TN.091125-109	Lê Phương Thảo	Nữ	28/02/2002	Thanh Hoá
3	TN.091125-110	Bùi Ngọc Thanh Thảo	Nữ	14/05/2002	Bắc Ninh
4	TN.091125-111	Đỗ Phương Thảo	Nữ	02/08/2002	Lào Cai
5	TN.091125-112	Lương Việt Thắng	Nam	12/08/2004	Tuyên Quang
6	TN.091125-113	Khúc Thị Hoài Thu	Nữ	14/11/2002	Thái Nguyên
7	TN.091125-114	Nguyễn Thị Thu	Nữ	27/03/2002	Hà Nội
8	TN.091125-115	Nông Minh Thuật	Nam	17/08/2001	Thái Nguyên
9	TN.091125-116	Đỗ Quân Thụy	Nam	25/07/2000	Bắc Ninh
10	TN.091125-117	Nguyễn Hoàng Thị Anh Thư	Nữ	02/02/2002	Thái Nguyên
11	TN.091125-118	Nguyễn Anh Thư	Nữ	19/09/2002	Tuyên Quang
12	TN.091125-119	Đỗ Thị Thư	Nữ	06/08/2002	Hà Nội
13	TN.091125-120	Phan Thị Thương	Nữ	22/11/2002	Nghệ An
14	TN.091125-121	Trần Thu Trà	Nữ	30/05/2002	Hà Nam
15	TN.091125-122	Nguyễn Thị Hà Trang	Nữ	12/07/2004	Hà Tĩnh
16	TN.091125-123	Nguyễn Thị Thanh Trang	Nữ	14/09/2004	Tuyên Quang
17	TN.091125-124	Nguyễn Thị Thuý Trang	Nữ	10/04/2002	Phú Thọ
18	TN.091125-125	Vũ Thị Huyền Trang	Nữ	15/08/2001	Hà Nội
19	TN.091125-126	Ngô Vũ Thuý Trang	Nữ	13/04/2002	Thái Nguyên
20	TN.091125-127	Cao Thị Huyền Trang	Nữ	05/03/2002	Hà Tĩnh
21	TN.091125-128	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	10/01/2001	Hưng Yên
22	TN.091125-129	Bùi Thuý Trang	Nữ	21/02/2003	Hà Nội
23	TN.091125-130	Phạm Thu Trang	Nữ	25/10/2002	Hà Nam
24	TN.091125-131	Dương Thị Thanh Trúc	Nữ	04/12/2002	Thái Nguyên
25	TN.091125-132	Đỗ Thanh Trúc	Nữ	05/10/2002	Thái Nguyên
26	TN.091125-133	Nguyễn Xuân Trường	Nam	18/07/2002	Thái Bình
27	TN.091125-134	Vũ Phương Uyên	Nữ	27/04/2002	Thái Nguyên
28	TN.091125-135	Trần Tố Uyên	Nữ	01/03/2002	Hà Nội
29	TN.091125-136	Lý Trường Vân	Nam	29/07/2002	Hà Nội
30	TN.091125-137	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Nữ	20/01/2002	Bắc Ninh
31	TN.091125-138	Tạ Hoài Việt	Nam	02/06/2002	Lào Cai
32	TN.091125-139	Hoàng Khánh Vũ	Nam	15/03/2001	Cao Bằng
33	TN.091125-140	Lưu Thị Xuân	Nữ	21/05/2002	Phú Thọ
34	TN.091125-141	Chu Hải Yến	Nữ	25/10/2002	Thái Nguyên
35	TN.091125-142	Vi Thị Hải Yến	Nữ	07/04/2002	Bắc Ninh

Ấn định danh sách có 35 thí sinh.